

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết, quy định kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; định mức phân bổ chi thường xuyên và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỶ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết, quy định kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; định mức phân bổ chi thường xuyên và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương của thành phố Đà Nẵng thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; điểm a, b, đ, i, k, l, n, o khoản 3; khoản 4; khoản 5; khoản 7 Điều 3, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “Phân cấp cho Chi cục Thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang quản lý thu các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Hòa Vang có số vốn đăng ký dưới 70 tỷ đồng và không thuộc các trường hợp bắt buộc phân công cho Cục Thuế thành phố quản lý thu. Đối với các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đã được phân cho Chi cục Thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang trực tiếp quản lý thu, trong quá trình hoạt động có bổ sung tăng vốn đăng ký từ 70 tỷ đồng trở lên nhưng không thuộc các trường hợp bắt buộc do Cục Thuế thành phố quản lý thì vẫn phân cấp để đảm bảo tính ổn định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau: “a) Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu khí) của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh; hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động theo Luật Hợp tác xã; cá nhân, hộ kinh doanh và các tổ chức khác do Cục Thuế thành phố và chi cục thuế khu vực, quận trực tiếp quản lý thu trên địa bàn các quận;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau: “b) Tiền sử dụng đất, không kể tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp (nếu có) do chi cục thuế khu vực, quận trực tiếp quản lý thu trên địa bàn các quận.

Riêng đối với số thu tiền sử dụng đất do Chi cục Thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang thông báo thu (Chi nhánh đăng ký quyền sử dụng đất chuyển hồ sơ địa chính sang phát sinh trên địa bàn các xã) thực hiện hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hòa Vang và giao cho Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang hỗ trợ lại cho ngân sách các xã có phát sinh nguồn thu để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau: “đ) Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, cơ sở kinh tế của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh; các tổ chức hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do Cục Thuế thành phố và chi cục thuế khu vực, quận trực tiếp quản lý thu trên địa bàn các quận;”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 3 như sau: “i) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thành phố làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách thành phố tham gia

trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc thành phố, quận, phường quản lý;”.

e) Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 3 như sau: “k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị do thành phố, quận, phường quản lý;”.

g) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 3 như sau: “l) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thành phố, quận, phường thực hiện. Trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố, quận, phường và doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố thực hiện thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định pháp luật;

Riêng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (không kể phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô và khí thiên nhiên, khí than), ngân sách thành phố được hưởng 100%. Căn cứ vào số thu hằng năm và nhu cầu chi, ngân sách thành phố xem xét bổ sung có mục tiêu một phần từ nguồn thu này cho huyện Hòa Vang có diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản. Mức bổ sung tối đa là 50% trên số thu.”.

h) Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 3 như sau: “n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thành phố, quận, phường thực hiện;”.

i) Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 3 như sau: “o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố, quận, phường xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;”.

k) Bỏ từ “quận” tại tiêu đề khoản 4 và tại các điểm a, b, d, đ, e, h, i, k, l, m, o khoản 4.

l) Bỏ từ “phường” tại tiêu đề khoản 5 và tại các điểm a, b, c, d, đ, e, i, k, l, n khoản 5.

m) Bỏ từ “quận” tại điểm m khoản 5.

n) Bỏ từ “quận” tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 7 và gạch đầu dòng thứ 1 điểm b khoản 7.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau: “e) Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện Hòa Vang.”

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 như sau: “2. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện Hòa Vang; nhiệm vụ chi của Ủy ban nhân dân các quận, huyện đảo Hoàng Sa”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau: “a) Chi đầu tư phát triển: Đầu tư xây dựng các công trình thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương theo phân cấp; xây dựng các công trình từ nguồn vốn huy động của nhân dân do Hội đồng nhân dân huyện Hòa Vang quyết định và các khoản chi đầu tư khác do huyện Hòa Vang quản lý theo quy định của pháp luật.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau: “c) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách huyện Hòa Vang.”

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau: “d) Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã.”

e) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 3 như sau: “3. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã; nhiệm vụ chi của ủy ban nhân dân phường”.

g) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau: “a) Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình cơ bản thuộc xã quản lý theo phân cấp từ nguồn vốn ngân sách xã, ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu, nguồn huy động của nhân dân và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.”

h) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau: “c) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách xã.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 119/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương của thành phố Đà Nẵng thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau: “b) Sửa đổi, bổ sung điểm y như sau: y) Các khoản thu khác ngân sách thành phố được hưởng theo quy định của pháp luật, bao gồm cả tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100% và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục; tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu do đơn vị thuộc cấp trung ương, thành phố quản lý nộp ngân sách nhà nước; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác của các phường; thu đền bù thiệt hại đất cho các phường theo quy định của Luật Đất đai.”

2. Bỏ từ “quận” tại khoản 2 và từ “phường” tại khoản 3.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau: a) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách thành phố với ngân sách huyện Hòa Vang (bao gồm cả tiền chậm nộp phát sinh được hạch toán riêng theo từng tiểu mục);

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau: b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau: b) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách huyện với ngân sách xã (bao gồm cả tiền chậm nộp phát sinh được hạch toán riêng theo từng tiểu mục);

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau: c) Sửa đổi, bổ sung tiết thứ 2 điểm b như sau: Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang trực tiếp quản lý thu trên địa bàn huyện, xã; bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động cho thuê tài sản của cá nhân, hộ gia đình.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 219/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định phân cấp nguồn thu ban hành kèm theo Nghị quyết số

62/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 và sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau: “e) Lệ phí trước bạ nhà, đất từ các tổ chức, doanh nghiệp do Cục Thuế thành phố quản lý trực tiếp và cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp vắng lai ngoại tỉnh do Cục Thuế thành phố tính và phát hành thông báo thu. Lệ phí trước bạ nhà, đất do chi cục thuế khu vực, quận trực tiếp quản lý thu trên địa bàn các quận; lệ phí trước bạ các tài sản khác (như ô tô, xe máy, tàu thuyền...) do chi cục thuế khu vực, quận quản lý khoản thu (bao gồm từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do chi cục thuế khu vực, quận quản lý trực tiếp và từ các tổ chức, cá nhân khác);”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau: “m) Lệ phí do các cơ quan nhà nước thành phố, quận, phường thực hiện thu, trừ lệ phí môn bài và lệ phí trước bạ đã được quy định riêng.”.

3. Bỏ từ “quận” tại các điểm a, b khoản 3 và tại các điểm a, b, c khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 219/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 Điều 6 như sau: “14. Mức phân bổ chi thường xuyên khác:

a) Phân bổ bằng 2% trên tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ từ khoản 1 đến khoản 13, Điều 6 cho ngân sách huyện Hòa Vang.

b) Phân bổ bằng 2% trên tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ từ khoản 1 đến khoản 13, Điều 6 cho đơn vị dự toán ủy ban nhân dân quận để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo chủ trương cấp có thẩm quyền trên địa bàn quận.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 6 như sau: “Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, phân bổ dự phòng ngân sách huyện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.”.

3. Bỏ nội dung tại khoản 16 Điều 6.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 7 như sau: “12. Mức phân bổ chi thường xuyên khác:

a) Phân bổ bằng 2% trên tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ từ khoản 1 đến khoản 11, Điều 7 cho ngân sách xã.

b) Phân bổ bằng 2% trên tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ từ khoản 1 đến khoản 11, Điều 7 cho đơn vị dự toán ủy

ban nhân dân phường để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo chủ trương cấp có thẩm quyền trên địa bàn phường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 7 như sau: “Dự phòng ngân sách: Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, phân bổ dự phòng ngân sách xã theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau: “1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia cho ngân sách huyện: Chi tiết theo Phụ lục I”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau: “2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia cho ngân sách từng xã: Chi tiết theo Phụ lục II”.

8. Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND theo Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 cho đến khi Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng có Nghị quyết thời kỳ ổn định ngân sách mới.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua tại Kỳ họp thứ nhất ngày 25 tháng 6 năm 2021./

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ; VP Chủ tịch nước;
- Vụ pháp chế các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính; Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Đại biểu HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; HĐND huyện Hòa Vang, UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện, HĐND, UBND xã; UBND phường;
- Báo ĐN, Chuyên đề CATP ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTĐH.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh Triết



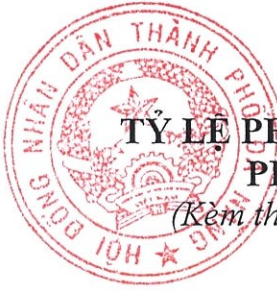
Phụ lục I
TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
PHÂN CHIA CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số **43** /2021/NQ-HĐND ngày 25/6/2021
của HĐND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Phần trăm (%)

STT	Quận, huyện	Trung ương	Địa phương	Trong đó	
				NSTP	NSQ,H
A	B	1	2=3+4	3	4
1	Quận Hải Châu	32	68	68	0
2	Quận Thanh Khê	32	68	68	0
3	Quận Liên Chiểu	32	68	68	0
4	Quận Sơn Trà	32	68	68	0
5	Quận Ngũ Hành Sơn	32	68	68	0
6	Quận Cẩm Lệ	32	68	68	0
7	Huyện Hòa Vang	32	68	0	68

Ghi chú: Tỷ lệ (%) phân chia ở trên được áp dụng đối với các nguồn thu: Thuế Giá trị gia tăng, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế Tiêu thụ đặc biệt do Chi cục thuế huyện trực tiếp quản lý thu.



Phụ lục II
TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
PHÂN CHIA CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số **13** /2021/NQ-HĐND ngày 25/6/2021
của HĐND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Phần trăm (%)

STT	Huyện, xã	Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Lệ phí môn bài	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí trước bạ nhà đất
A	B	1	2	3	4	5	6
	Huyện Hòa Vang						
1	Hòa Tiến	68	68	68	80	80	80
2	Hòa Châu	68	68	68	80	80	80
3	Hòa Phước	68	68	68	80	80	80
4	Hòa Nhơn	68	68	68	80	80	80
5	Hòa Phong	68	68	68	80	80	80
6	Hòa Khương	68	68	68	80	80	80
7	Hòa Sơn	68	68	68	80	80	80
8	Hòa Liên	68	68	68	80	80	80
9	Hòa Ninh	68	68	68	80	80	80
10	Hòa Bắc	68	68	68	80	80	80
11	Hòa Phú	68	68	68	80	80	80

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt và thuế môn bài áp dụng đối với các hộ kinh doanh cá thể.

- Đối với lệ phí môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ: được điều tiết cho ngân sách huyện 100% và tiếp tục phân chia giữa ngân sách huyện với ngân sách xã theo tỷ lệ nêu trên.

- Đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp nêu trên thực tế có phát sinh thì điều tiết cho ngân sách xã hưởng 100%.